

Bản án số: 12 /2019/DS-ST.

Ngày: 17 – 7– 2019.

*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Lê Hồng Điệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buôi– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa Bà Dương Thị Ngọc Bích-Kiểm sát viên.

Các ngày 16 và 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST–DS, ngày 25/12/2018, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-DS, ngày 16/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Lâm Ngọc T – Trưởng phòng KHKD, Ngân hàng N-Chi nhánh huyện Long Phú (theo Giấy ủy quyền số 71/GUQ-NGNN.LP ngày 02/5/2019).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Cao Thị N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lâm Ngọc T (ông L) trình bày: Ngày 30/11/2015, ông Nguyễn Hoàng T (ông T) ký với Ngân hàng N-Chi nhánh huyện L hợp đồng tín dụng số 7603 LAV 201600607 vay số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) lãi suất biến

đôi, lãi suất nợ quá hạn là 150%/ lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn để chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống của hộ gia đình. Tài sản bảo đảm cho khoản vay 80.000.000 đồng là quyền sử dụng đất số: BG 725394, sổ vào sổ cấp GCN: CH00654 do UBND huyện Long Phú cấp ngày 25/02/2013, số thửa đất: 258, tờ bản đồ số: 01, diện tích thửa đất: 4.195,7m² trồng lúa, địa chỉ thửa đất: Ấp Phú Hữu, xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

+Ngày 30/11/2015 ông Nguyễn Hoàng T nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 6,9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 8,28%/năm, hạn trả 30/11/2016, mục đích sử dụng vốn: trồng lúa, chăn nuôi heo.

+ Ngày 30/11/2015 ông Nguyễn Hoàng T nhận nợ số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 14,25%/năm, hạn trả 30/11/2016, mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng.

Ngày 08/7/2016, ông Nguyễn Hoàng T ký tiếp với Ngân hàng N-Chi nhánh huyện L hợp đồng tín dụng số 7603 LAV 201601386, số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) lãi suất 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150%/ lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn để tiêu dùng. Cho vay tín chấp, nguồn trả nợ từ tiền lương lĩnh hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vốn vay này cho ông T.

Từ khi vay các khoản tiền vốn theo các hợp đồng trên cho đến nay ông T chưa trả khoản tiền vốn và lãi nào, tính đến ngày 15/7/2019 ông Nguyễn Hoàng T còn nợ Ngân hàng N Chi nhánh huyện L tổng số tiền 227.058.933 đồng, trong đó nợ gốc là 168.000.000 đồng, nợ lãi vay tạm tính đến ngày 15/7/2019 là 59.058.933 đồng.

Nay, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Cao Thị N trả cho Ngân hàng N-Chi nhánh huyện L tổng số tiền vốn và lãi 227.058.933 đồng và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ gốc và lãi, yêu cầu xử lý và phát mãi tài sản bảo đảm vốn vay là: quyền sử dụng đất số: BG 725394, sổ vào sổ cấp GCN: CH00654 do UBND huyện Long Phú cấp ngày 25/02/2013, số thửa đất: 258, tờ bản đồ số: 01, diện tích thửa đất: 4.195,7m² trồng lúa, địa chỉ thửa đất: Ấp Phú Hữu, xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện Kiểm Sát phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2018 của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng tín dụng được giao kết giữa phía Ngân hàng và ông Nguyễn Hoàng T trú tại: Ấp Đ, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện.

[2] Mặc dù Tòa án đã thông báo, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho vợ chồng ông T và bà N hợp lệ, nhiều lần theo địa chỉ nơi thường trú của ông T và bà N nhưng trong suốt quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông T và bà N đều vắng mặt không có lý do, không thông báo địa chỉ nơi cư trú, làm việc hiện tại cho người khởi kiện. Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát và Đại diện phía Ngân hàng không yêu cầu hoãn phiên tòa, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, với ý kiến, yêu cầu của Nguyên đơn và Kiểm sát viên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, có thể nhận định ông Nguyễn Hoàng T và bà Cao Thị N cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà N và căn cứ vào các tài liệu chứng có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

**Xét yêu cầu khởi kiện Của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc Nguyễn Hoàng T và bà Cao Thị N trả cho phía Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm: 227.058.933 đồng.*

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp xác định được ngày 30/11/2015 và ngày 08/7/ 2016 giữa Ngân hàng N-Chỉ nhánh huyện L với ông Nguyễn Hoàng T có xác lập các hợp đồng tín dụng số: 7603LAV.../HĐTD; Số: 7603LAV.../HĐTD với các khoản tín dụng lần lượt là 80.000.000 đồng và 100.000.000 đồng cùng với những nội dung thỏa thuận khác như phía Ngân hàng đã trình bày trong phần nội dung vụ án nêu trên. Ngân hàng N khởi kiện ông Nguyễn Hoàng T, đã được Tòa án nhân dân huyện Long Phú tổng đạt thông báo, niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác của Tòa án tại trụ sở Tòa án, UBND xã Phú Hữu, huyện Long Phú và địa chỉ nơi ông T, bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú, nhưng ông T và bà N không phản đối những tình tiết sự kiện, tài liệu, văn bản mà phía nguyên đơn đưa ra, không có bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử kết luận giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với ông Nguyễn Hoàng T có giao kết các hợp đồng tín dụng nêu trên, khoản nợ vốn và lãi ông T còn thiếu Ngân hàng N đến thời điểm xét xử sơ thẩm tổng cộng 227.058.933 đồng là đúng sự thật.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Cao Thị N có mối quan hệ vợ chồng, mặc dù chỉ có ông T đứng tên ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên với phía Ngân hàng, nhưng trong các hợp đồng giao kết đều thể hiện mục đích vay là chi phí sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng phục vụ cho nhu cầu cuộc sống gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Hoàng T và bà Cao Thị N cùng có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ nêu trên.

[5] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất số: BG 725394, số vào sổ cấp GCN: CH00654 do UBND huyện Long Phú cấp cho ông Nguyễn Hoàng T ngày 25/02/2013, số thửa đất: 258, tờ bản đồ số: 01, diện tích thửa đất: 4.195,7m² trồng lúa, địa chỉ thửa đất: Ấp Phú Hữu, xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định khoản vay của ông T là vay tín chấp, trên thực tế phía Ngân hàng cũng không nắm rõ được tình trạng pháp lý và hiện trạng trên thực tế của tài sản mà phía ngân hàng yêu cầu phát mãi. Do đó, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của phía Ngân hàng đối với quyền sử dụng đất nêu trên không thuộc thẩm quyền của Tòa án, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 750.000 đồng. Do yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 750.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu về trả nợ vốn và lãi của phía Ngân hàng N được chấp nhận toàn bộ nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông T và bà N phải chịu bằng 5% số tiền mà ông T và bà N có nghĩa vụ trả cho phía Ngân hàng là: 227.058.933 đồng x 5% = 11.352.946 đồng. Do yêu cầu về phát mãi tài sản của phía Ngân hàng N không được chấp nhận, nên phía Ngân hàng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

* **Áp dụng:** khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 155, Điều 164, 166, Điều 357, Điều 464, 465, 466, 468, Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

* **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:

- Buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Cao Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển N 227.058.933 (Hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi ba) đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Hoàng T và bà Cao Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

-Không chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng N đối với quyền sử dụng đất số: BG 725394, sổ vào sổ cấp GCN: CH00654 do UBND huyện Long Phú cấp cho ông Nguyễn Hoàng Tiễn ngày 25/02/2013, số thửa đất: 258, tờ bản đồ số: 01, diện tích thửa đất: 4.195,7m² trồng lúa, địa chỉ thửa đất: Ấp Phú Hữu, xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

2. Về chi phí thẩm định: Ngân hàng N phải chịu chi phí thẩm định là 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Chi phí này Ngân hàng N đã thực hiện xong

3.Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Cao Thị N phải chịu 11.352.946 (Mười một triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 5.223.000 (Năm triệu hai trăm hai mươi ba nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006938 ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ngân hàng N được nhận lại 4.923.000 (Bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay thì thời gian kháng cáo được tính từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- TAND tỉnh Sóc Trăng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Hà